TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 18-3-2019
"V/v tranh chấp: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;
2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 276/2018/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm: 1997
Nơi cư trú: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Q, sinh năm: 1989
HKTT: Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn Q tự nguyện chung sống từ năm 2012 nhưng đến năm 2015 mới tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết

hôn số 30/2015, ký ngày 07 tháng 5 năm 2015. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Hoàng Văn Q không lo làm ăn khiến kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cải vã. Đến khoảng đầu năm 2016, anh Hoàng Văn Q đi khỏi địa phương cho đến nay. Trong thời gian này anh Hoàng Văn Q không liên lạc, thăm hỏi vợ con. Chị và anh Hoàng Văn Q sống ly thân thời gian dài, tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

Về nuôi con chung: Chị và anh Hoàng Văn Q có 01 con chung tên là Hoàng Thị Thanh T sinh ngày: 25/9/2013. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr.

Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu Hoàng Thị Thanh T sinh năm: 2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2015, ký ngày 07/5/2015 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (bản sao); Giấy khai sinh mang tên Hoàng Thị Thanh T (bản photo chứng thực); Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh Tr (bản photo chứng thực)

- Bản tự khai của nguyên đơn;

- Biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 01/9/2018;

- Biên bản lấy lời khai người làm chứng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn Q (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr khai nhận chị và anh Hoàng Văn Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 07 tháng 5 năm 2015. Lời khai của chị Nguyễn Thị Thanh Tr phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 11). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh Tr và anh Hoàng Văn Q là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị Thanh Tr thể hiện trong bản tự khai và tại phiên tòa thì trong thời gian chung sống anh Hoàng Văn Q không chăm lo làm ăn, phát triển kinh tế, khiến gia đình lâm vào hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng thường xuyên cải vã, gây gỗ với nhau. Từ đầu năm 2016 cho đến nay anh Hoàng Văn Q đi khỏi địa phương, không qua lại, chăm sóc vợ con, thiếu trách nhiệm làm chồng, làm cha. Mặt khác, anh Hoàng Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Hoàng Văn Q vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh Tr.

[4] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr khai nhận chị và anh Hoàng Văn Q có 01 con chung tên là Hoàng Thị Thanh T, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2013. Chị Nguyễn Thị Thanh Tr yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Thanh T. Cháu Hoàng Thị Thanh T mới 06 tuổi cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Hiện anh Hoàng Văn Q không có mặt tại địa phương, ban quản lý thôn và gia đình anh Hoàng Văn Q không biết địa chỉ nơi cư trú hiện nay của anh Hoàng Văn Q (bút lục số 21, 22). Hiện chị Nguyễn Thị Thanh Tr là công nhân, có thời gian và thu nhập ổn định. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Hoàng Thị Thanh T theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Hoàng Thị Thanh T cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hoàng Văn Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr khai nhận chị Nguyễn Thị Thanh Tr và anh Hoàng Văn Q không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr, chị Nguyễn Thị Thanh Tr được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thị Thanh T sinh ngày 25 tháng 9 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Hoàng Văn Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0022158 ngày 29 tháng 6 năm 2018 (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh